

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày: 26-9-2023
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiên Tịnh và bà Hoàng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2023/TLST-DS, ngày 15/02/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/QĐXXST-DS, ngày 17/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58a/2023/QĐST-DS, ngày 06/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1977 – Có mặt
Địa chỉ: Thôn Thuận S, xã Thuận A, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1996 – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Thuận S, xã Thuận A, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
Tạm trú: Đường Nguyễn Tr, tổ dân phố B, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông , sinh năm 1965 – Có mặt.
Địa chỉ: Thôn Thuận S, xã Thuận A, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
Tạm trú: Số A, đường Nơ Trang L, tổ dân phố C, thị trấn Đắk M, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện nhận ngày 17/01/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị The, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:*

Bà Th có cho anh Võ Thanh T vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), khi vay hai bên làm giấy vay tiền mặt do chính tay anh T viết vào về việc vay và ký tên vào giấy vay, sau khi làm giấy vay tiền mặt và ký thì bà Th trực tiếp đưa cho T số tiền vay 50.000.000 đồng. Khi vay thì hai bên không thỏa thuận lãi suất mà chỉ thỏa thuận thời hạn trả nợ là 30 ngày kể từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 22 tháng 11 năm 2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên buộc anh Võ Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền mặt đã ký kết.

Lời khai của bị đơn trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh Võ Thanh T trình bày:

Anh T thừa nhận: Có việc anh làm giấy vay tiền mặt với bà Nguyễn Thị Th số tiền 50.000.000 đồng nhưng anh không được nhận số tiền 50.000.000 đồng từ bà Th mà là anh chỉ nghe lời bố của anh là ông Võ Văn Q lên viết giấy thì anh lên viết giấy vay tiền mặt chứ bản thân anh không được bà Th đưa cho số tiền 50.000.000 đồng theo giấy vay tiền mặt anh đã điền và ký. Anh T cũng trình bày theo anh được biết là việc vay giữa bố anh và bà Th thì bà Th đã giao tiền cho bố của anh rồi.

Tại phiên tòa, Anh T giữ nguyên lời trình bày trong quá trình làm việc, còn đối với việc trả nợ số tiền vay thì anh T không đồng ý trả tiền 50.000.000 đồng cho Bà Nguyễn Thị Th lý do là anh là người đi làm giấy vay tiền mặt nhưng không nhận số tiền 50.000.000 đồng nên anh không đồng ý trả nợ như yêu cầu của bà Th đưa ra.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Võ Văn Q trình bày:

Ông Q có vay bà Th 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để góp vốn vào việc làm ăn chung với bà Th khi đó ông Q không có tiền nên ông Q có điện thoại bà Th trao đổi về việc vay tiền, bà Th đồng ý nên ông Q có nói con trai ông Q là Tấn đến chỗ bà Th viết và ký giấy vay tiền nhưng số tiền đó ông Q cũng không được nhận mà là bà Th bỏ vào góp vốn để làm ăn. Đối với số tiền 50.000.000 đồng ông Q có vay của bà Th thì ông Q sẽ thanh toán cho Bà Th vào ngày 28/12/2024.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn Q vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, HĐXX đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Áp dụng quy định tại Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS) 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc anh Võ Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền gốc 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản nợ, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Anh T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Võ Thanh T có địa chỉ tại thôn Thôn Thuận S, xã Thuận A, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Tại phiên tòa, sau khi làm rõ nội dung tranh chấp bà The yêu cầu HĐXX giải quyết, buộc anh T có nghĩa vụ thanh toán 50.000.000 đồng mà anh T đã vay. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy vay tiền mặt tại mục thời gian vay 30 ngày từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 22 tháng 11 năm 2018. Kể từ ngày Anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến thời điểm bà Th làm đơn khởi kiện ngày 17/01/2023 và nộp tại Tòa án ngày 01/02/2023 đối với anh Võ Thanh T là đã hết thời hiệu theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn hoặc yêu cầu về áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự. Hơn nữa

nguyên đơn chỉ đòi nợ gốc nên HĐXX không xem xét cũng như không áp dụng về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự .

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét nội dung khởi kiện của bà Th yêu cầu Tòa án buộc Anh T phải trả số tiền gốc 50.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản và yêu cầu của đương sự: Việc bà Nguyễn Thị Th cho anh Võ Thanh T vay số tiền 50.000.000 đồng là có thật thể hiện qua giấy vay tiền mặt có chữ viết và chữ ký của anh T.

Điều này thể hiện việc vay mượn giữa các bên là có thật, nội dung và mục đích của giấy vay tiền mặt thấy rằng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Theo khoản 1 Điều 117 BLDS thì việc vay tiền giữa bà Th và anh T đủ điều kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền. Nội dung giấy vay tiền mặt thể hiện giữa các bên có thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 (Bộ luật tố tụng dân sự) BLTTDS quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc ông Tấn có viết giấy vay tiền mặt với Bà Th với số tiền 50.000.000 đồng, với thời gian vay 30 ngày từ ngày 23 tháng 10 năm 2018 đến ngày 22 tháng 11 năm 2018 là có thật nội dung phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chi phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

Điều 466 của BLDS quy định:

“*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Do anh T vi phạm nghĩa vụ nên bà Th khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền gốc 50.000.000 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Đối với việc anh Võ Thanh T cho rằng anh chỉ là người được nhờ đi viết giấy và ký giấy vay tiền mặt nhưng không được nhận tiền mặt số tiền 50.000.000 đồng nhưng trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như đối chất giữa các bên thì anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Đối với việc ông Võ Văn Q trình bày: Ông có vay bà Th 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) để góp vốn vào việc làm ăn chung với bà Th khi đó ông Q không có tiền nên ông Q có điện thoại bà Th trao đổi về việc vay tiền, Bà Th đồng ý nên ông Q có nói con trai ông Q là Tấn đến chỗ bà Th viết và ký giấy vay tiền nhưng số tiền đó ông Q cũng không được nhận mà là bà Th bỏ vào góp vốn để làm

ăn. Đối với số tiền 50.000.000 đồng ông Q có vay của bà Th thì ông Q sẽ thanh toán cho bà Th vào ngày 28/12/2024, Bà Th không đồng ý để ông Q trả nợ số tiền trên, đồng thời ông Q cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Theo điều khoản 1 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 quy định.

Nghĩa vụ chứng minh

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ hợp pháp....”

“...4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.”

Vì vậy, lời trình bày của bị đơn anh Võ Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Q không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp pháp luật cần chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ, lập luận nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh Võ Thanh T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) do vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn anh Võ Thanh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) x 5% = 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (*Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007095 ngày 13/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 191; Khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 155; Điều 278; Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 463; Điều 466; khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Buộc anh Võ Thanh T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Th số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Võ Thanh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) x 5% = 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007095 ngày 13/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Về hướng dẫn thi hành án: *Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi*

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ